

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 224/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 23 - 12 - 2020
V/v ly hôn;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Hoài

Ông Trịnh Tiến Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 173/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Tr – sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Trường Nam, xã H, huyện H, Thanh Hóa (vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình D – sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn N, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Chị Đỗ Thị Tr có quan điểm trình bày như sau:

Chị Đỗ Thị Tr và anh Nguyễn Đình D là vợ chồng, trước khi kết hôn với nhau anh, chị được tự do tìm hiểu, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, vào ngày 14/12/2018. Sau khi kết hôn anh, chị sống hòa thuận, nhưng chỉ được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quá trình chung sống, giữa hai người tình cảm không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng không hòa thuận, cũng từ tháng 01/2019 đến nay thì vợ chồng đã sống ly

thân với nhau. Nay chị Tr thấy tình cảm vợ chồng không ai còn thương yêu nhau, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Do tính chất công việc làm ăn ở xa, không thuận tiện đi lại nên chị làm đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt.

Trong bản tự khai ngày 26 tháng 10 năm 2020, bị đơn anh Nguyễn Đình D có quan điểm trình bày:

Ngày 14/12/2018. Anh và Chị Đỗ Thị Tr đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, trước khi kết hôn anh, chị tự do tìm hiểu, hôn nhân không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, hay nảy sinh bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, mặc dù anh đã cố gắng nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Nay chị Tr làm đơn ly hôn thì anh cũng đề nghị Tòa án giải cho anh và chị thuận tình ly hôn.

Về con chung, tài sản chung: Cả hai thừa nhận vợ, chồng chưa có con chung, tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có bản tự khai nhưng không tham gia hòa giải do Tòa án tiến hành và nhiều lần vắng mặt không có lý do. Chị Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần hai không có lý do và cũng không có yêu cầu bổ sung ngoài quan điểm ly hôn mà anh đã trình bày trong bản tự khai. Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ bút lục về yêu cầu ly hôn của các đương sự, đơn đề nghị xét xử vắng mặt của nguyên đơn.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho Chị Đỗ Thị Tr được ly hôn với anh Nguyễn Đình D.

Về con, tài sản chung : Không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Chị Đỗ Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, theo khoản 4 Điều 147 của BLTTDS và nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về mức án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện H có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về pháp luật tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp hôn nhân và gia đình, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự về “ Ly hôn”. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Thuận Lộc, huyện H, nên vụ án được xem xét, giải quyết theo thẩm quyền tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do một trong các bên đương sự vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 203, điểm b khoản 2, Điều 227, Điều 228 và Điều 233 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện H đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho đương sự trong vụ án.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn: Chị Đỗ Thị Tr và anh Nguyễn Đình D kết hôn với nhau, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, việc kết hôn được hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Lộc, huyện H vào tháng 12 năm 2018. Tại thời điểm đăng ký kết hôn cả anh và chị không vi phạm quy định về độ tuổi và các điều kiện cấm kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy thời kỳ hôn nhân được tính từ khi anh, chị đăng ký kết hôn và được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn: Năm 2018, anh D, chị Tr chính thức đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hai bên chưa có con chung. Tuy nhiên, trong thời gian ngắn thì tình cảm vợ, chồng đã bộc lộ và nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu được cả hai bên thừa nhận là do tính tình không hợp, lối sống và suy nghĩ khác nhau, nên khi mâu thuẫn xảy ra thì cả hai cùng cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không đạt được như mong muốn để duy trì quan hệ hôn nhân, nên mỗi người cũng đều có giải pháp riêng cho mình là đồng quan điểm đề nghị thuận tình ly hôn. Quan điểm này của hai bên lẽ ra cần được hợp tác giải quyết tại phiên hòa giải do Tòa án tiến hành nhưng vì anh D vắng mặt nên việc đưa vụ án ra xét xử để chấm dứt quan hệ hôn nhân là phù hợp. Nay thấy lý do xin ly hôn của chị Tr là tự nguyện, bị đơn anh D vắng mặt cũng không phản đối. Như vậy, việc xin ly hôn của chị Tr là đủ căn cứ để đánh giá về tình trạng và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Tr và anh D được ly hôn với nhau.

[4] Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] *Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Tr phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0007227 ngày 09 tháng 10 năm 2020.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của BLTTDS Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (Ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án),

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của Chị Đỗ Thị Tr, chị Tr được ly hôn với anh Nguyễn Đình D.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Chị Đỗ Thị Tr phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2019/0008330 ngày 09/10/ 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. (chị Tr đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm).

Án xử công khai, vắng mặt chị Tr, anh D, các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã Th và Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Đường sự
- Chi cục THADS H .
- UBND xã Th;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghi